

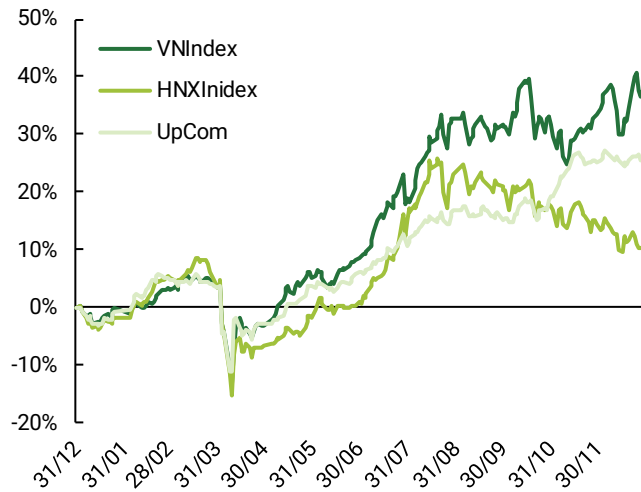
VN-Index **1754.84 (1.45%)**
716 Tr. cổ phiếu 22255.5 Tỷ VND (-32.28%)

HNX-Index **251.22 (0.28%)**
59 Tr. cổ phiếu 1299.3 Tỷ VND (-38.53%)

UPCOM-Index **120.21 (0.78%)**
45 Tr. cổ phiếu 614.4 Tỷ VND (-33.96%)

VN30F1M **1990.20 (1.08%)**
262,194 HD OI: 30,610 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1754.8, tăng +25.0 điểm (+1.45%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup trở lại nâng đỡ chỉ số, lần này thị trường đã đồng thuận hơn khi sắc xanh có phần chiếm ưu thế. Nhóm Dầu khí và Tiện ích là điểm sáng trong phiên với giao dịch khởi sắc.
Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VHM (+7.0%), NVL (+6.8%), VRE (+3.8%) | Ngân hàng: LPB (+0.7%), STB (+4.2%) | Dầu khí: PVD (+4.2%), BSR (+2.8%) | Tiện ích: GAS (+6.5%), BWE (+6.9%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (+6.9%), GMD (+3.0%), GEX (+2.9%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Dịch vụ tài chính: AGR (-1.8%), VND (-1.0%) | Tài nguyên Cơ bản: SMC (-3.0%), HPG (-0.7%) | Du lịch và Giải trí: SCS (-0.8%), HVN (-0.6%)
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, GAS, GEE, STB - Chiều giảm | HPG, VPB, TCX, SHB, SSI
Khối ngoại Bán ròng hơn 120 tỷ, tập trung nhiều ở BWE, VIC, VHM, trong khi mua ròng FPT, STB, VJC.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** bật tăng lấp lại khoảng "gap giảm" trước đó. Dù vậy, thanh khoản lại sụt giảm về dưới mức bình quân 20 phiên, cho thấy động lực mua lên chưa thật sự thuyết phục. Với lực cầu còn lưỡng lự, chỉ số khả năng sẽ gặp trở ngại khi tiếp cận khu vực cản quanh 1760 – 1770 điểm. Vận động có thể hạ nhiệt hoặc rung lắc tích lũy thêm quanh ngưỡng 1750 trước khi bứt phá. Dù vậy, điểm sáng là dòng tiền đang cho thấy trạng thái luân chuyển trở lại nhóm Midcap, tuy mức lan tỏa chưa cao, nhưng cũng là điểm tích cực đầu tiên phản ánh tâm lý đã cải thiện hơn. Mức độ lan tỏa cần tiếp tục được mở rộng các phiên sau để xác nhận xu hướng.
- Đối với HNX-Index**, sắc xanh trở lại nhưng sức bật vẫn còn khá kém, cho thấy lực cung còn chi phối. Chỉ số có thể tiếp tục rung lắc củng cố thêm khu vực hỗ trợ quanh 250.
- Chiến lược chung:** Đối với các mã vẫn giữ vững được hỗ trợ NĐT có thể tiếp tục trạng thái nắm giữ, trường hợp vi phạm xu hướng mới cân nhắc hạ bớt vị thế. Chiều mua mới cần theo dõi thêm tín hiệu củng cố nền giá trên ngưỡng 1700 điểm của VN-Index cũng như sự cải thiện của thị trường về thanh khoản và độ rộng. Các nhóm ngành nổi bật: Tiện ích, Tiêu dùng, Dầu khí, Chứng khoán.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi DRI (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,754.8	▲	1.45%	0.2%	3.8%	22,255.5	▼	-32.3%	-27.5%	-6.4%	715.8	▼	-37.7%	-27.1%	-1.2%	
HNX-Index	251.2	▬	0.28%	-2.3%	-3.3%	1,299.3	▼	-38.5%	-11.7%	-1.8%	59.5	▼	-41.3%	-17.1%	-7.6%	
UPCOM-Index	120.2	▬	0.78%	0.3%	1.0%	614.4	▼	-34.0%	-3.7%	0.9%	45.0	▼	-44.8%	11.0%	-6.2%	
VN30	1,990.7	▲	1.3%	0.3%	3.5%	13,336.6	▼	-34.9%	-33.4%	0.7%	315.8	▼	-42.0%	-36.6%	13.4%	
VNMID	2,223.3	▬	0.6%	-1.6%	-3.2%	6,160.5	▼	-36.5%	-27.7%	-30.7%	234.4	▼	-41.1%	-34.7%	-31.5%	
VNSML	1,478.2	▬	0.30%	-1.1%	-2.1%	1,226.0	▼	-23.9%	-1.2%	18.1%	75.0	▼	-23.1%	-12.2%	-3.3%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	625.0	▬	0.2%	1.23%	0.9%	7,080.3	▼	-24.62%	-8.6%	15.6%	238.1	▼	-37.2%	-23.1%	-4.8%	
Bất động sản	799.3	▲	3.4%	4.1%	14.0%	3,835.4	▼	-45.3%	-29.5%	-18.7%	109.8	▼	-37.8%	-21.6%	-15.8%	
Dịch vụ tài chính	310.3	▼	-0.2%	-1.6%	-5.5%	1,984.3	▼	-48.8%	-45.5%	-37.5%	79.4	▼	-48.3%	-44.1%	-35.4%	
Công nghiệp	288.5	▲	3.5%	6.3%	1.3%	1,583.9	▲	1.3%	-0.1%	8.7%	36.2	▲	7.2%	3.7%	4.6%	
Tài nguyên cơ bản	527.5	▼	-0.6%	0.4%	-1.0%	590.5	▼	-79.0%	-62.5%	-45.8%	26.4	▼	-76.5%	-59.5%	-46.1%	
Xây dựng - Vật Liệu	182.5	▬	0.6%	-2.5%	-5.0%	630.9	▼	-39.3%	-33.6%	-34.4%	31.6	▼	-39.3%	-33.0%	-29.5%	
Thực phẩm	550.4	▬	0.2%	-0.4%	0.3%	1,470.1	▼	-20.5%	-50.3%	-24.0%	34.6	▼	-42.0%	-54.2%	-31.8%	
Bán Lẻ	1,573.7	▬	0.5%	3.8%	5.9%	717.9	▼	-57.5%	-35.8%	-21.0%	10.0	▼	-52.5%	-29.7%	-19.2%	
Công nghệ	505.1	▲	1.9%	-1.4%	-5.0%	641.0	▼	-17.2%	-0.5%	0.0%	8.4	▼	-28.3%	-17.6%	-16.3%	
Hóa chất	152.2	▲	1.70%	-3.5%	-10.5%	616.4	▼	-31.0%	-23.3%	-8.1%	16.0	▼	-30.2%	-12.1%	-12.0%	
Tiện ích	719.7	▲	3.7%	5.1%	5.7%	1,138.2	▲	202.0%	197.4%	254.3%	41.6	▲	169.8%	131.2%	156.2%	
Dầu khí	78.4	▲	2.89%	1.7%	4.6%	804.9	▲	49.6%	79.2%	84.0%	34.2	▲	41.8%	73.3%	77.8%	
Dược phẩm	430.0	▬	0.5%	0.5%	2.3%	63.9	▲	65.9%	-22.3%	-30.6%	2.3	▼	-27.2%	-39.8%	-55.2%	
Bảo hiểm	97.3	▲	6.0%	2.7%	5.6%	97.4	▲	51.6%	36.7%	117.4%	2.4	▲	11.2%	-3.5%	65.9%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,754.8 ▲	1.4%	38.5%	16.8x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,254 ▼	-0.4%	-10.4%	13.5x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,644 ▲	1.2%	22.1%	21.4x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,305 ▬	0.14%	-2.2%	16.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,053 ▼	-0.21%	-7.3%	10.2x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,965 ▬	0.04%	18.3%	18.8x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,635 ▼	-0.71%	27.8%	12.9x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	50,527 ▼	-0.44%	26.7%	22.2x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,930 ▼	-0.03%	17.8%	27.7x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	48,711 ▼	-0.04%	14.5%	25.2x	5.8x
FTSE 100	Anh	9,869 ▼	-0.02%	20.7%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,752 ▬	0.10%	17.5%	17.4x	2.5x
DXV		98.1 ▬	0.07%	-9.6%		
USDVND		26,290 ▼	-0.01%	3.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

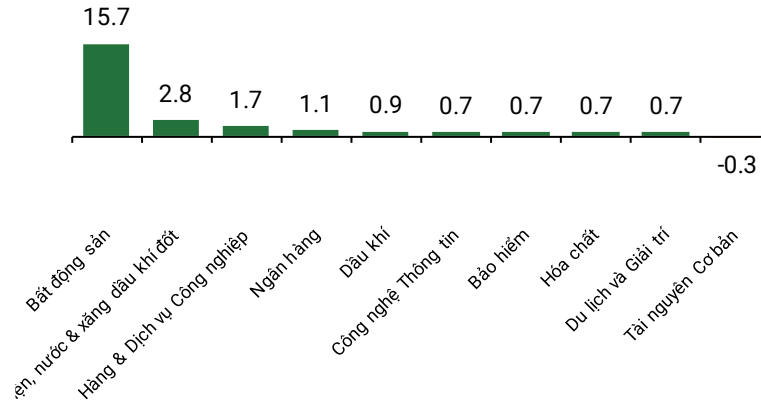
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	2.1%	-2.0%	-17.1%	-16.5%
Dầu WTI	▲	2.2%	-1.0%	-19.2%	-17.9%
Khí gas	▬	0.2%	-9.8%	20.5%	24.5%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-9.4%	-10.6%	-10.6%
Thép HRC (*)	▬	0.2%	-0.6%	-5.6%	-5.6%
PVC (*)	▼	-1.6%	-3.4%	-13.6%	-13.5%
Phân Urea (*)	▲	3.6%	4.5%	10.4%	10.4%
Cao su thiên nhiên	▬	0.1%	1.8%	-7.2%	-5.5%
Bông Cotton	▬	0.37%	2.9%	-5.4%	-6.0%
Đường	▬	0.5%	0.2%	-20.9%	-21.3%
World Container Index	▲	1.4%	22.5%	-41.8%	-41.8%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-4.9%	-9.2%	42.3%	42.3%
Vàng	▼	-1.6%	5.2%	69.9%	70.1%
Bạc	▼	-4.8%	33.6%	161.2%	156.9%

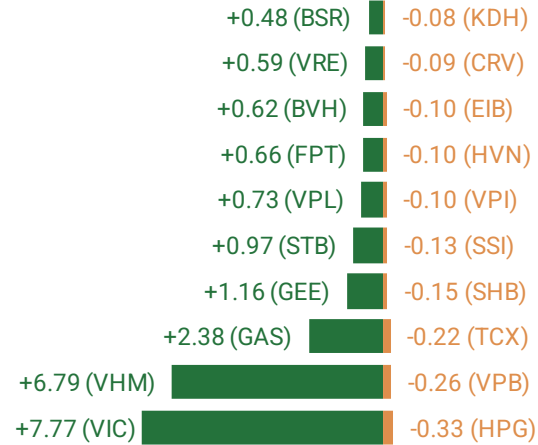
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

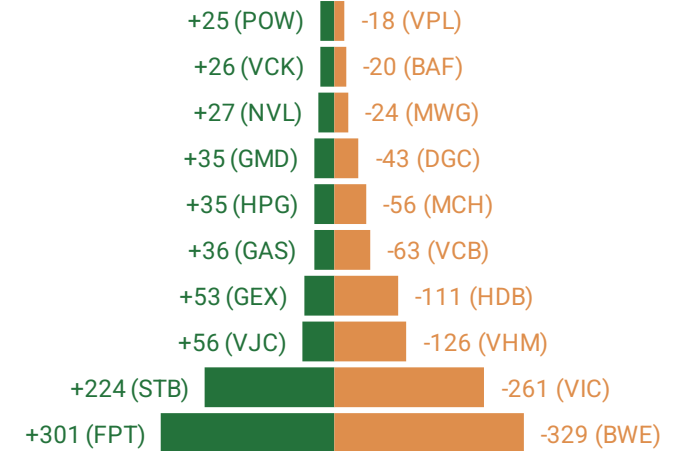
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



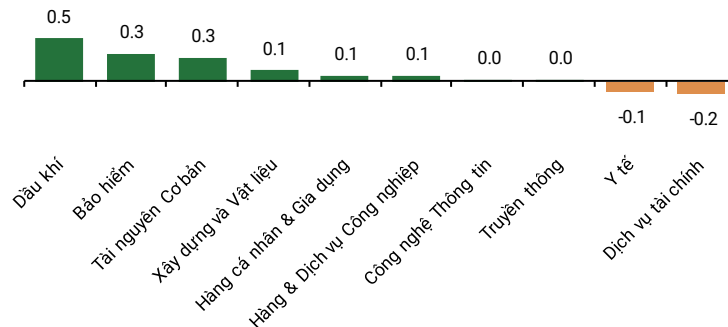
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



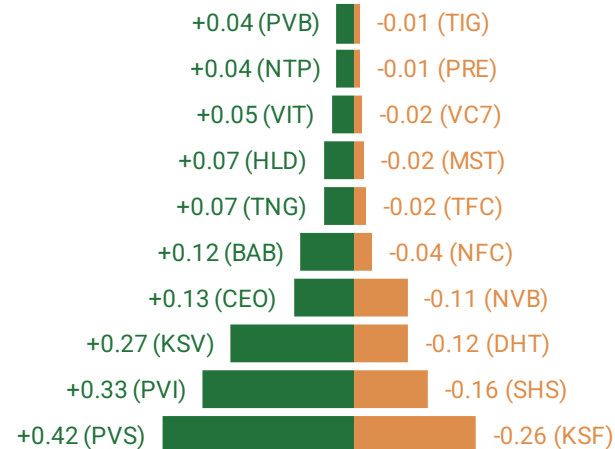
TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



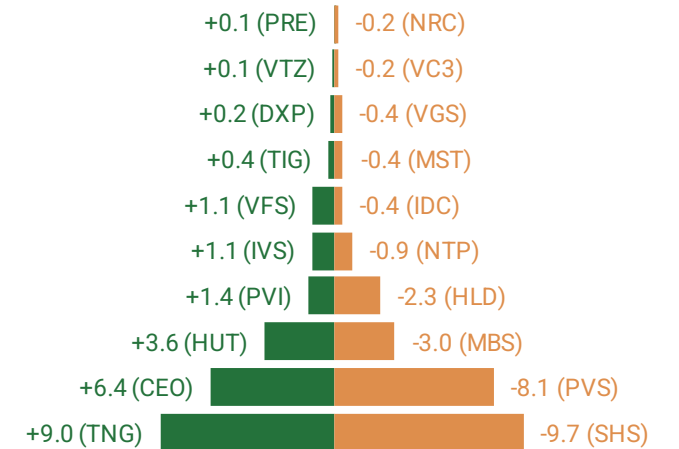
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

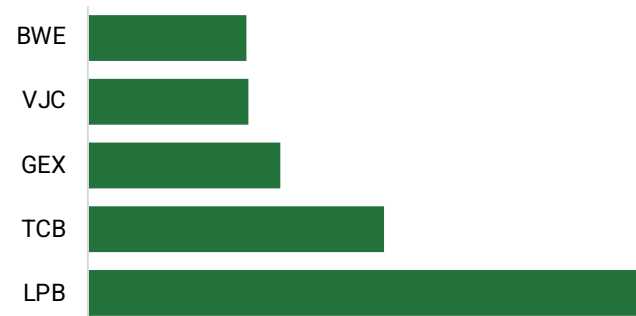


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	STB	VIC	VHM	SHB	FPT
%DoD	4.2%	3.0%	7.0%	-0.9%	1.9%
Giá trị	1,327	1,057	858	728	594

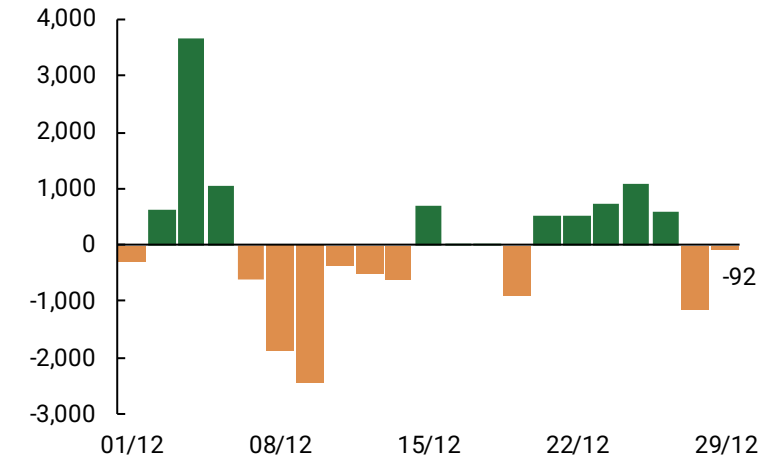
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	LPB	TCB	GEX	VJC	BWE
%DoD	0.7%	0.4%	2.9%	0.1%	6.9%
Giá trị	1,166	616	398	332	329

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



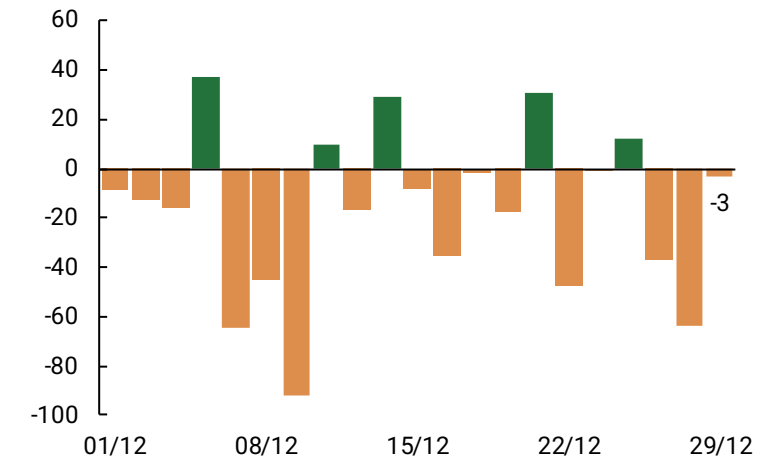
	PVS	SHS	CEO	MBS	PVC
%DoD	4.2%	-1.4%	1.8%	0.0%	7.3%
Giá trị	407	199	157	53	41

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	DNP	HUT	CEO	SHS	SHN
%DoD	0.0%	0.0%	1.8%	-1.4%	2.1%
Giá trị	107	24	12	10	3

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh lấp “gap giảm” nhưng vol dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1680 - 1700.
- ✓ Kháng cự: 1760 - 1770.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Củng cố thêm đà.

Kịch bản: Chỉ số bật tăng và lấp lại khoảng “gap giảm” trước đó. Dù vậy, thanh khoản lại khá thấp cho thấy động lực mua lên chưa thật sự thuyết phục. Với lực cầu còn lưỡng lự, VN-Index khả năng sẽ gặp trở ngại khi tiếp cận khu vực cản quanh 1760 – 1770 điểm. Vận động có thể hạ nhiệt hoặc rung lắc tích lũy thêm quanh ngưỡng 1750 trước khi bứt phá.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh lấp “gap giảm” nhưng vol dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1940 - 1950.
- ✓ Kháng cự: 2000.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Củng cố thêm đà.

➔ Chỉ số tiếp tục đi lên và lấp lại “gap giảm” trước đó. Dù vậy thanh khoản sụt giảm cho thấy động lực mua lên chưa thuyết phục. VN30 có thể gặp khó khăn khi tiếp cận vùng cản quanh ngưỡng 2000 điểm. Vận động khả năng còn giằng co củng cố thêm xu hướng. Khu vực quanh 1950 tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ trong các phiên tới.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	DRI	WATCH	Current price	12.9	P/E (x)	6.1
Exchange	UPCoM		Watch zone	12.3 - 12.6	P/B (x)	1.4
Sector	Commodity Chemicals		Target price	14	EPS	2120.6
			Cut loss price	11.8	ROE	24.3%
					Stock Rating	A
					Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Nến bật tăng thoát khỏi vùng tích lũy 12.3 – 12.6.
 - Chỉ báo MACD thu hẹp so với đường tín hiệu, khả năng cắt lên và trở lại miền dương, trong khi RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản gia tăng cho thấy lực mua đồng thuận.
 - Giá trở lại trên MA20 nên khu vực quanh đây sẽ trở thành hỗ trợ ngắn hạn, ứng với mức 12.6
- ➔ Xu hướng tạo khả năng thoát khỏi pha điều chỉnh.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi khi giá trở lại kiểm định khu vực 12.3 – 12.6, nếu vận động được duy trì tốt có thể cân nhắc mở vị thế mua.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Vùng giá theo dõi	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DRI	Theo dõi	30/12/2025	12.9	12.3 – 12.6	-	14	12%	11.8	-5.6%	Theo dõi kiểm định hỗ trợ

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PHR	Nắm giữ	28/11/2025	10/12/2025	56.20	56.6	-0.7%	64.0	13.1%	54.0	-4.6%	
2	NTP	Nắm giữ	03/12/2025	11/12/2025	63.50	64.2	-1.1%	71.0	10.6%	61.5	-4.2%	Nâng cắt lỗ 61.5
3	DBC	Nắm giữ	04/12/2025	24/12/2025	27.30	27.60	-1.1%	30.5	10.5%	26.5	-4.0%	Nâng cắt lỗ 26.5
4	POW	Mua	19/12/2025	-	13.00	12.3	5.7%	14.0	13.8%	11.4	-7.3%	
5	TV2	Mua	22/12/2025	-	35.50	36.30	-2.2%	40.0	10.2%	34.0	-6.3%	
6	KLB	Mua	23/12/2025	-	16.4	17.2	-4.6%	20.0	16.3%	15.8	-8.1%	
7	VNM	Mua	25/12/2025	-	62.10	61.50	1.0%	68.0	10.6%	58.0	-5.7%	
8	PLX	Mua	29/12/2025	-	36.50	35.6	2.7%	39.0	9.7%	34.0	-4.4%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1990.2, tăng 21 điểm (+1.1%). Vận động phục hồi chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch.
- Ở đồ thị 1 giờ**, động lượng phục hồi vẫn được duy trì khi MACD di chuyển trên đường tín hiệu và đang tiến về miền dương. Dù vậy, khu vực quanh 2000 điểm đang cho thấy lực cản mạnh, với nền giảm thân lớn cùng RSI cũng hạ nhiệt một phần. Vận động giá có thể trở lại rung lắc tích lũy thêm quanh vùng 1985 – 1995. Vị thế Long cân nhắc khi giá vượt và củng cố trên ngưỡng 1996 hoặc có thể chờ khi có tín hiệu rũ mạnh về vùng hỗ trợ 1960 - 1965. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1980.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1882.7, tăng 17.6 điểm (+0.9%). Độ lệch basis 1.5 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 38 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1865 - 1870, trong khi kháng cự là ngưỡng 1900.

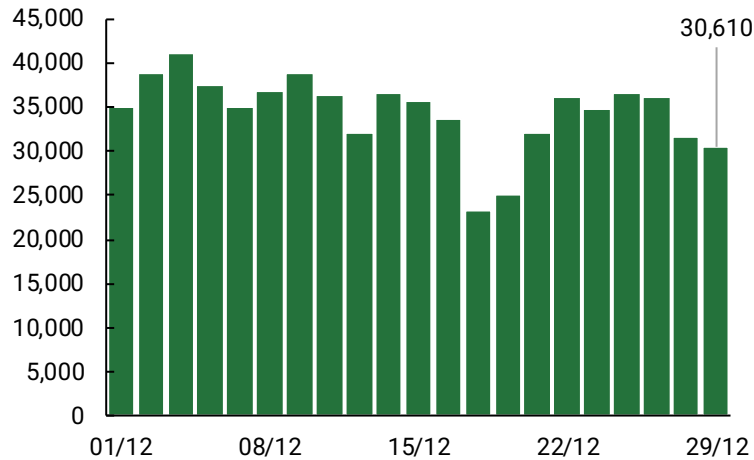
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.996	2.010	1.988	14 : 08
Long	> 1.965	1.978	1.957	13 : 08
Short	< 1.980	1.968	1.988	12 : 08

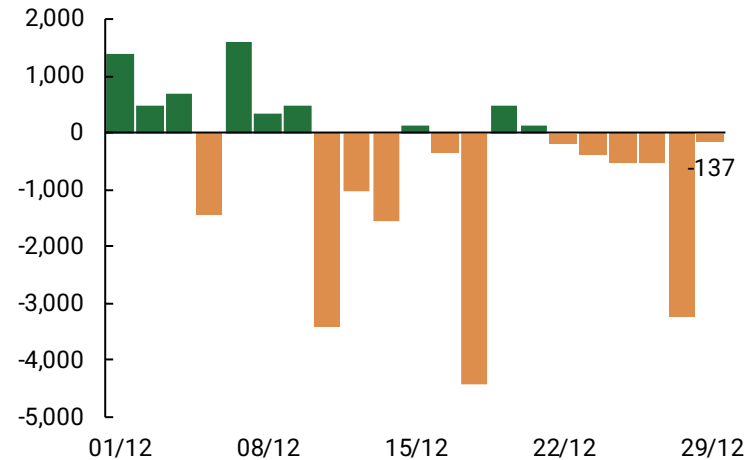
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,978.7	32.7	27	247	2,000.0	-21.3	18/06/2026	171
41I1G3000	1,981.4	16.4	58	485	1,995.0	-13.6	19/03/2026	80
41I1G2000	1,985.6	15.6	479	820	1,993.2	-7.6	13/02/2026	46
41I1G1000	1,990.2	21.2	262,194	30,610	1,991.6	-1.4	15/01/2026	17
41I2G1000	1,882.7	17.6	38	26	1,885.1	-2.4	15/01/2026	17

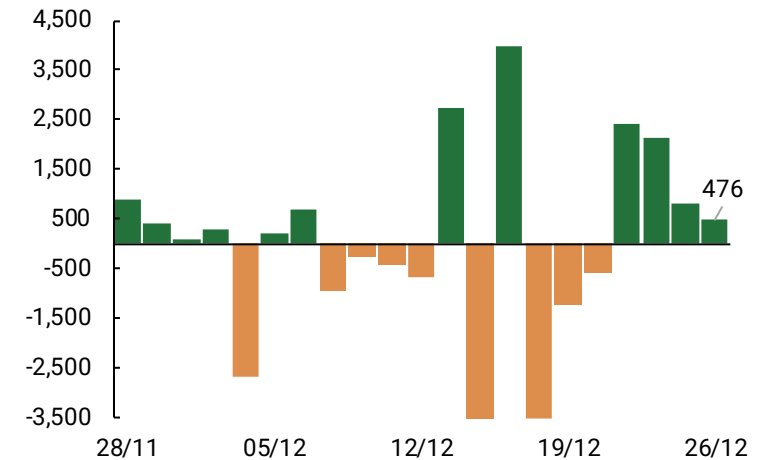
Khối lượng mở (Open interest)



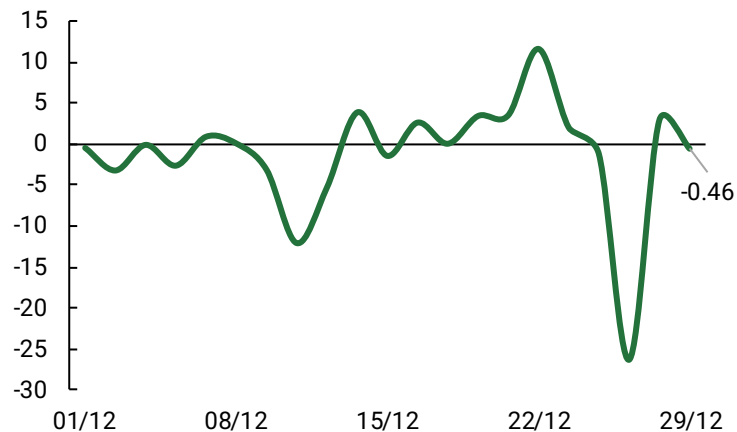
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



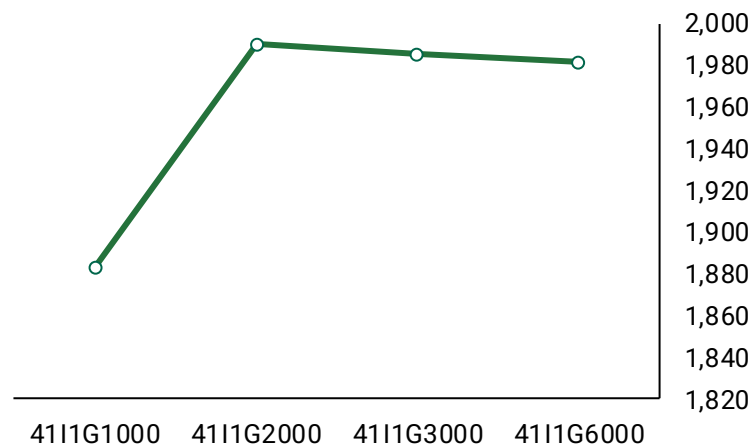
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



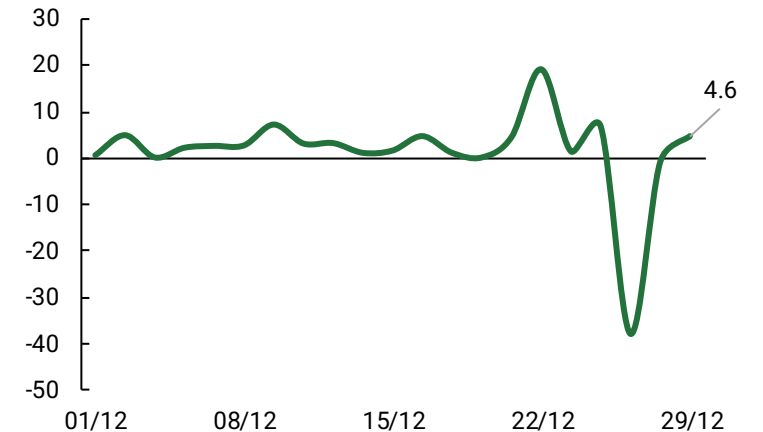
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	76,300	65,400	-14.3%	Bán
BCM	60,500	74,500	23.1%	Mua
CTD	74,900	87,050	16.2%	Tăng tỷ trọng
CTI	22,000	27,200	23.6%	Mua
DBD	48,450	68,000	40.4%	Mua
DDV	25,107	35,500	41.4%	Mua
DGC	61,000	99,300	62.8%	Mua
DGW	40,100	48,500	20.9%	Mua
DPG	38,750	53,100	37.0%	Mua
DPR	37,500	46,500	24.0%	Mua
DRI	12,774	17,200	34.6%	Mua
EVF	11,050	14,400	30.3%	Mua
FRT	146,000	135,800	-7.0%	Giảm tỷ trọng
GMD	61,300	72,700	18.6%	Tăng tỷ trọng
HAH	60,200	67,600	12.3%	Tăng tỷ trọng
HDG	27,750	33,800	21.8%	Mua
HHV	13,100	12,300	-6.1%	Giảm tỷ trọng
HPG	26,700	30,200	13.1%	Tăng tỷ trọng
IMP	50,700	55,000	8.5%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	24,850	22,700	-8.7%	Giảm tỷ trọng
MSH	32,900	43,100	31.0%	Mua
MWG	87,100	92,500	6.2%	Nắm giữ
NLG	30,850	39,900	29.3%	Mua
NT2	24,450	27,400	12.1%	Tăng tỷ trọng
PHR	56,200	72,800	29.5%	Mua
PNJ	96,000	96,800	0.8%	Nắm giữ
PVT	18,950	18,900	-0.3%	Giảm tỷ trọng
SAB	48,800	59,900	22.7%	Mua
TLG	49,650	53,400	7.6%	Nắm giữ
TCB	34,050	35,650	4.7%	Nắm giữ
TCM	26,500	38,400	44.9%	Mua
TRC	76,500	95,800	25.2%	Mua
VCG	22,900	26,200	14.4%	Tăng tỷ trọng
VHC	54,400	60,000	10.3%	Tăng tỷ trọng
VNM	62,100	66,650	7.3%	Nắm giữ
VSC	20,300	17,900	-11.8%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 01/12 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/12 Việt Nam – FTSE công bố đảo danh mục
Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp
- 06/12 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 11 và 11 tháng
- 09/12 Úc – RBA công bố lãi suất
- 10/12 Canada – BOC công bố lãi suất
- 11/12 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
- 12/12 Việt Nam - Vaneck công bố danh mục
- 17/12 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- Việt Nam - Đảo hạn phái sinh
- 18/12 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Anh – BoE công bố lãi suất
- 19/12 Việt Nam - Quỹ ETF liên quan Vaneck và FTSE thực hiện tái cơ cấu danh mục
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 23/12 Mỹ - Ước tính GDP q/q (Q3)
- 31/12 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC

THÔNG TIN VĨ MÔ

Đề xuất tăng bội chi ngân sách lên 4,5% GDP nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng 8%: Năm 2025, Vụ Ngân sách Nhà nước đã chủ động tham mưu trình Quốc hội cho phép tăng bội chi ngân sách lên mức 4%-4,5% GDP trong trường hợp cần thiết, nhằm khơi thông nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng.

Trung Quốc cam kết kiểm soát sản lượng thép giai đoạn 2026-2030: Trong ngày 26/12, Trung Quốc tuyên bố sẽ tiếp tục kiểm soát chặt chẽ sản lượng thép thô và nghiêm cấm bổ sung công suất mới bất hợp pháp trong giai đoạn 2026-2030. Kể từ năm 2021, quốc gia sản xuất và tiêu thụ thép lớn nhất thế giới đã chấm dứt đà tăng trưởng sản lượng thép thô trong khuôn khổ kế hoạch giảm phát thải carbon.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

GAS - PV GAS sẽ đầu tư hơn 100.000 tỷ đồng cho hạ tầng công nghiệp năng lượng: Với vai trò dẫn dắt hành trình năng lượng xanh, giai đoạn 2026 – 2030, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS)-đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp-Năng lượng Quốc gia Việt Nam sẽ đầu tư hơn 100 nghìn tỷ đồng cho hạ tầng công nghiệp năng lượng, từ đó tạo động lực tăng trưởng dài hạn. Năm 2025, GAS ghi nhận mức doanh thu hợp nhất đạt kỷ lục 134.000 tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt gần 15.000 tỷ đồng, tăng trưởng gần 14%. Lợi nhuận ổn định phản ánh hiệu quả của quá trình tái cấu trúc mô hình kinh doanh, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả quản trị.

DRC ra quyết định quan trọng về hoạt động vay nợ: Ngày 26/12, CTCP Cao su Đà Nẵng ra Nghị quyết phê duyệt hạn mức vay vốn tín dụng ngắn hạn tại các ngân hàng, đảm bảo tổng số dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 1,200 tỷ đồng. Xét tại thời điểm 30/09/2025, DRC ghi nhận tổng nợ vay hơn 1,031 tỷ đồng, tăng 8% so với đầu năm và tương đương 25% tổng nguồn vốn. Trong đó, Công ty chủ yếu vay ở kỳ hạn ngắn với hơn 900 tỷ đồng.

FLC đặt mục tiêu có lãi, cổ phiếu rục rịch trở lại sàn đầu năm 2026: Theo thông tin từ Tập đoàn FLC, công ty đã hoàn thành báo cáo tài chính riêng năm 2024 và công bố các chỉ tiêu dự kiến cho năm 2025. Cụ thể, mảng bất động sản được ước tính ghi nhận lợi nhuận sau thuế khoảng 635 tỷ đồng. Kết quả này thay đổi so với khoản lỗ 123 tỷ đồng ghi nhận trong năm 2024, trong bối cảnh doanh nghiệp tiếp tục thực hiện tái cấu trúc hoạt động kinh doanh. Sau khi hoàn tất nghĩa vụ công bố thông tin, doanh nghiệp dự kiến thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch cổ phiếu trở lại trên hệ thống UPCoM vào khoảng quý I/2026.

DLG - Đại gia Gia Lai làm cao tốc 77.000 tỷ đồng: Tuyến cao tốc Pleiku – Buôn Ma Thuột – Gia Nghĩa có tổng chiều dài khoảng 257km. Tuyến đường được thiết kế với vận tốc 100km/h, quy mô 4 làn xe, bề rộng nền đường 24,75m. Tổng mức đầu tư sơ bộ của dự án ước tính khoảng 76.985 tỷ đồng, dự kiến triển khai theo hình thức đối tác công tư (PPP). Đức Long Gia Lai cho rằng khả năng thu hồi vốn dự án rất thấp nên đề xuất phương án ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% vốn, nhà đầu tư huy động 30% còn lại.

PC1 - Tập đoàn PC1 muốn chuyển nhượng toàn bộ vốn tại một công ty con: PC1 muốn chuyển nhượng toàn bộ gần 12 triệu cổ phiếu đang sở hữu tại Thương mại Đầu tư Tiến Bộ. Thời gian thực hiện trong tháng 12/2025. Tính đến ngày 30/9/2025, Thương mại Đầu tư Tiến Bộ đang là công ty con của PC1 với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết lên đến 99,95%, hoạt động trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415